

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ  
và CÁC CÔNG TY CON**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015*



## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính hợp nhất là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 28/7/2015) Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Phan Châu	Thành viên
Ông Vũ Tuấn Hưng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Phạm Ngọc An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Trần Trường Vũ	Thành viên
Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Nguyễn Quang Minh	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 14/5/2015)
Ông Nguyễn Lê Thành Trí	Thành viên
Ông Triệu Quang Quân	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Phạm Ngọc An	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/7/2015) P.Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/7/2015)
Ông Phan Châu	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13/5/2015)
Ông Trần Trường Vũ	P. Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Anh	P. Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/10/2015)
Ông Trần Vũ Trung	P. Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13/10/2015)

### 3. Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại TP.HCM	R4 – 25 Hưng Gia 5, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM
- Chi nhánh Đồng Nai	Số 242 Hẻm 25, Đường Võ Thị Sáu, Khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 4. Các hoạt động chính

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

### 5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Nhóm Công ty vào ngày 31/12/2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 31.

### 6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### 7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Nhóm Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

### 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### 9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

## 10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Nhóm Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.



**NGUYỄN VĂN DŨNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 27 tháng 3 năm 2016



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited  
**Office:** 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
**Tel:** (84.8) 3832 8964 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3834 2957  
**Email:** info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 07.15.327HN/AISC-DN1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2016, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thụ và các công ty Con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC)**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM VĂN VINH**

Số GCNĐKHNKT số: 0112-2013-05-01

Bộ tài chính Việt Nam cấp

**KIỂM TOÁN VIÊN**

A blue handwritten signature.

**TRẦN HẢI SƠN**

Số GCNĐKHNKT số: 2172-2013-05-01

Bộ tài chính Việt Nam cấp

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>463.683.486.927</b>	<b>206.522.083.872</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>		<b>10.518.334.990</b>	<b>1.014.646.642</b>
1. Tiền	111	V.01	10.518.334.990	1.014.646.642
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>414.496.485.288</b>	<b>196.908.822.983</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	30.093.254.188	97.445.024.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	186.823.405.519	90.463.471.060
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	195.392.842.120	3.380.435.580
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(463.829.000)	-
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	2.650.812.461	3.619.892.343
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.07	<b>21.181.034.063</b>	<b>3.545.443.238</b>
1. Hàng tồn kho	141		21.181.034.063	3.545.443.238
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>17.487.632.585</b>	<b>5.053.171.009</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12a	16.943.939	7.851.364
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.097.064.646	5.045.319.645
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	4.373.624.000	-
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>308.807.140.347</b>	<b>215.801.817.790</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>12.593.364.655</b>	<b>3.193.734.740</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	13.310.653.310	3.026.714.740
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2.398.181.000	167.020.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(3.115.469.655)	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>31.280.481.259</b>	<b>66.297.999.692</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	5.774.061.726	1.935.544.325
- Nguyên giá	222		7.655.620.209	3.024.011.671
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.881.558.483)	(1.088.467.346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	25.506.419.533	-
- Nguyên giá	225		25.506.419.533	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	64.362.455.367
- Nguyên giá	228		-	64.362.455.367
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>256.586.675.144</b>	<b>146.310.083.358</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	256.586.675.144	146.310.083.358
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>8.346.619.289</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12b	8.346.619.289	-
2. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>772.490.627.274</b>	<b>422.323.901.662</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>172.158.066.171</b>	<b>52.114.602.737</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>145.883.345.961</b>	<b>43.683.470.658</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	34.196.815.744	1.572.822.176
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	8.322.726.648	384.127.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	24.132.882.644	25.069.823.595
4. Phải trả người lao động	314		1.326.078.125	757.217.892
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	56.275.541.983	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	15.673.370.052	8.407.863.395
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	5.955.930.765	7.491.616.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>26.274.720.210</b>	<b>8.431.132.079</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	26.274.720.210	8.431.132.079
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.19	<b>600.332.561.103</b>	<b>370.209.298.925</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>600.332.561.103</b>	<b>370.209.298.925</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576.800.000.000	328.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576.800.000.000	328.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.285.022.626	42.209.298.925
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.409.298.925	42.209.298.925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.875.723.701	-
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.247.538.477	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>772.490.627.274</b>	<b>422.323.901.662</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

*ngheut*

Nguyễn Đình Việt  
Người lập biểu

*Thanh Sơn*

Trần Thanh Sơn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		122.770.369.333
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		20.077.265.319
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	102.693.104.014
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	48.056.692.275
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		54.636.411.739
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	156.012.801
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.160.974.359
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.154.715.339
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	4.891.510.956
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	16.211.833.293
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.528.105.931
12. Thu nhập khác	31		62.097.062
13. Chi phí khác	32	VI.07	16.348.755.341
14. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		(16.286.658.279)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.241.447.652
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	5.478.185.473
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.763.262.179
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		10.875.723.702
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(112.461.523)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	278
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	278

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Nguyễn Đình Việt

Người lập biểu



Trần Thanh Sơn

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>16.241.447.652</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	794.302.755
Các khoản dự phòng	03	3.579.298.655
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.433.099)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(135.264.394)
Chi phí lãi vay	06	1.154.715.339
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>21.633.066.908</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(244.978.436.390)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(17.635.590.825)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	113.387.587.770
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(8.355.711.864)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.407.151.854)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.774.928.306)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(149.131.164.561)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(75.809.742.739)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	135.264.394
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(73.674.478.345)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	216.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	25.828.964.544
Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.521.061.648)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>232.307.902.896</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>9.502.259.989</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.014.646.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.428.359
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>10.518.334.990</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

*ngdukt*

*Thanh Sơn*



Nguyễn Đình Việt  
 Người lập biểu

Trần Thanh Sơn  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2016

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thu ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 14 ngày 11/5/2015.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Công ty là 328 tỷ đồng

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.

Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 11 Công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 7 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 4 Công ty (do chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động).
- Số lượng Công ty liên kết không được hợp nhất: 1 Công ty (do chưa góp vốn và chưa đi vào hoạt động).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát BIDICO	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80,00%	80,00%
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52,00%	52,00%

### Danh sách các Công ty con không được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Trồng trọt Công nghệ cao Đồng Nai	Số 242, hẻm 25, đường Võ Thị Sáu, khu 12, xã Long Đức, Long Thành, Đồng Nai	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Pigment & Nano Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thủy sản Bình Thuận	Cụm CN Tân Bình, xã Tân Bình, thị xã Lagi, Bình Thuận	Khai thác, chế biến, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng WIBAWA Bảo Thư	A4-02 khu Nam Thiên 1, đường Phạm Thái Bường, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	52,00%	52,00%

### Danh sách các Công ty liên kết

Công ty TNHH Titan Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	28,00%	28,00%
-------------------------------	---	---	--------	--------

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Cho năm tài chính 2015, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư và các Công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

#### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Nhóm Công ty nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Nhóm Công ty ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn sở hữu tương ứng của Nhóm Công ty. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Nhóm Công ty với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### 3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 10 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
Dụng cụ quản lý	03 năm
Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê

#### Hợp đồng thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hoá trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc, nếu thấp hơn, theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ trong suốt thời gian thuê tài sản nhằm phản ánh tỷ lệ lãi suất bình ổn phát sinh trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hoá được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính hoặc theo thời hạn thuê tài sản, nếu có cam kết là bên thuê sẽ không được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

### 8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ

### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn

### 12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

### 13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### 16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### 18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

### 19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### 20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

#### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

#### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 21. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

### 22. Số liệu so sánh

Nhóm Công ty không lập báo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 do chưa triển khai hoạt động góp vốn đến các công ty con, nên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 không có số liệu so sánh cho thời kỳ trước, và số dư đầu năm (01/01/2015) là số dư theo số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư.

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	219.545.727	971.935.003
Tiền gửi ngân hàng	(*) 10.298.789.263	42.711.639
<b>Cộng</b>	<b>10.518.334.990</b>	<b>1.014.646.642</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 2,032.70 USD tương đương 45.654.443 đồng.

2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV CN KS Bình Thuận BTC	-	75.000.000.000
- Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA	-	21.981.195.000
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	28.614.120.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.479.134.188	463.829.000
<b>Cộng</b>	<b>30.093.254.188</b>	<b>97.445.024.000</b>

3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	59.099.001.577	120.000.000
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	3.905.512.042	4.458.040.250
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	-	1.263.192.000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10.000.000.000
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm Sứ - Xây dựng Thiên Lợi	75.000.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ XNK Nhật Minh	6.500.000.000	-
- Công ty TNHH VLXD Phước Bình	40.000.000.000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	2.318.891.900	74.622.238.810
<b>Cộng</b>	<b>186.823.405.519</b>	<b>90.463.471.060</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Trả trước cho người bán (tiếp theo)	Số cuối năm	Số đầu năm
b) Dài hạn		
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1.265.000.000	1.265.000.000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	10.000.000.000	-
- Công ty TNHH SX SX TM Hoàng Thông	1.263.192.000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	782.461.310	1.761.714.740
<b>Cộng</b>	<b>13.310.653.310</b>	<b>3.026.714.740</b>

4. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng

a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	15.704.000.000	-	-	-
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mỏ cát Tân Hà	648.150.000	-	-	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức	8.059.801.033	-	736.633.360	-
- Các khoản cho mượn tiền đến các Cá nhân	209.000.000	-	-	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	237.200.000	-	158.711.000	-
- Các khoản tạm ứng	167.610.302.733	-	1.414.587.132	-
+ Ông Trần Thanh Minh	83.062.521.000			
+ Ông Trần Thanh Sơn	30.000.000.000			
+ Ông Phạm Ngọc An	22.021.853.657			
+ Ông Võ Kim Nguyên	30.000.000.000			
+ Các đối tượng khác	2.525.928.076			
- Thuế GTGT liên quan đến TSCĐ thuê tài chính	2.348.636.363	-	-	-
- Thuế GTGT chờ kê khai	551.532.091	-	-	-
- Phải thu khác	24.219.900	-	1.070.504.088	-
<b>Cộng</b>	<b>195.392.842.120</b>	<b>-</b>	<b>3.380.435.580</b>	<b>-</b>

b) Dài hạn				
- Khoản ký quỹ cho Hợp đồng thuê tài chính	2.215.520.000	-	-	-
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	182.661.000	-	167.020.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.398.181.000</b>	<b>-</b>	<b>167.020.000</b>	<b>-</b>

5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ (Thuyết minh tại mục V.10.2)	1.450.812.461	3.619.892.343
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khoản góp vốn mua cổ phần tại Anata Bình Định	1.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.650.812.461</b>	<b>3.619.892.343</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nợ xấu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	463.829.000		TT Quy hoạch và - ĐT Tài nguyên nước	463.829.000		TT quy hoạch và - ĐT Tài nguyên nước
- Các khoản trả trước người bán quá hạn từ 1- 2 năm	390.367.310		Các đối tượng khác			
	1.263.192.000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1.263.192.000		Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	1.265.000.000		TT Quy hoạch và - ĐT Tài nguyên nước			
	392.094.000		Các đối tượng khác	380.817.740		Các đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>3.774.482.310</b>	<b>-</b>		<b>2.107.838.740</b>	<b>-</b>	

Số dư đầu năm	-
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.579.298.655)
Giảm (do xóa nợ)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(*) (3.579.298.655)</b>

7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Thành phẩm	103.373.923	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	185.612.397			
- Hàng hóa	20.892.047.743	-	3.545.443.238	-
<b>Cộng</b>	<b>21.181.034.063</b>	<b>-</b>	<b>3.545.443.238</b>	<b>-</b>

8. Tài sản cố định thuê tài chính	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	-	25.506.419.533	-	25.506.419.533
Khấu hao	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>25.506.419.533</b>

Tài sản cố định thuê tài chính tăng kể từ ngày 23/12/2015 là 10 chiếc ô tô đầu kéo Hyundai và 10 Mooc ben tự đổ theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 2015-00226-000 ngày 20/11/2015. Thời hạn thuê là 60 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỤ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	967.944.944	562.150.000	1.448.575.818	45.340.909	3.024.011.671
Mua trong năm	1.619.893.447	2.229.000.000	797.445.455	-	4.646.338.902
Giảm khác	-	-	14.730.364	-	14.730.364
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.587.838.391</b>	<b>2.791.150.000</b>	<b>2.231.290.909</b>	<b>45.340.909</b>	<b>7.655.620.209</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	700.495.866	272.883.091	112.569.450	2.518.939	1.088.467.346
Khấu hao trong năm	168.452.739	293.570.595	318.425.253	13.854.169	794.302.755
Giảm khác	-	-	1.211.618	-	1.211.618
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>868.948.605</b>	<b>566.453.686</b>	<b>429.783.085</b>	<b>16.373.108</b>	<b>1.881.558.483</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	267.449.078	289.266.909	1.336.006.368	42.821.970	1.935.544.325
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.718.889.786</b>	<b>2.224.696.314</b>	<b>1.801.507.824</b>	<b>28.967.801</b>	<b>5.774.061.726</b>

Tài sản cố định tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành; Giảm do điều chỉnh nguyên giá tài sản.

Tại ngày 31/12/2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.260.705.177 đồng (nguyên giá là 1.549.472.728 đồng) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31/12/2015, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	64.362.455.367	-	64.362.455.367	-
Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>64.362.455.367</b>			<b>-</b>

Tài sản cố định vô hình giảm trong năm do phân loại sang chi phí xây dựng cơ bản dở dang (khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Mỏ Cát trắng	-	7.119.723.400
Mỏ Cát xây dựng Tân Hà	-	5.335.196.377
Nhà máy Cát	20.443.044.636	13.442.643.022
Cụm công nghiệp Thăng Hải I	64.171.892.648	101.998.458.619
Cụm công nghiệp Thăng Hải II	95.652.877.965	16.302.508.901
Cụm công nghiệp Tân Bình	3.631.535.154	1.921.679.700
Xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	189.873.339
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận (*)	66.284.893.060	-
Chi phí xây dựng và mua sắm máy móc thiết bị	5.515.320.909	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	887.110.772	-
<b>Cộng</b>	<b>256.586.675.144</b>	<b>146.310.083.358</b>

(*) Bao gồm:	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Tài sản thiếu chờ xử lý	Khấu hao đến 31/12/2015	Giá trị còn lại đến 31/12/2015
Quyền sử dụng đất	9.571.758.800	(7.513.659.992)	-	(297.045.189)	1.761.053.619
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:					-
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32.033.148.574				32.033.148.574
- Tài sản khác:					-
+ <i>Liên quan đến Cảng Lagi</i>	32.440.287.867				32.440.287.867
+ <i>Tài sản chờ xử lý</i>	1.450.812.461		(1.450.812.461)		-
- Chi phí xây dựng	50.403.000				50.403.000
<b>Cộng</b>	<b>75.546.410.702</b>	<b>(7.513.659.992)</b>	<b>(1.450.812.461)</b>	<b>(297.045.189)</b>	<b>66.284.893.060</b>

12. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	16.943.939	7.851.364
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ	7.000.060.927	-
- Chi phí quyền khai thác khoáng sản cát tận thu tại CCN Thăng Hải 2	1.311.489.900	-
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ	35.068.462	-
<b>Cộng</b>	<b>8.346.619.289</b>	<b>-</b>

13. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận	28.941.000.000	28.941.000.000	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	5.255.815.744	5.255.815.744	1.572.822.176	1.572.822.176
<b>Cộng</b>	<b>34.196.815.744</b>	<b>34.196.815.744</b>	<b>1.572.822.176</b>	<b>1.572.822.176</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV CN KS Bình Thuận BTC		7.885.000.000	-
- Các khách hàng khác		437.726.648	384.127.600
<b>Cộng</b>		<b>8.322.726.648</b>	<b>384.127.600</b>

  

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a) Phải nộp</b>				
- Thuế GTGT	4.385.944.131	12.082.077.843	9.016.863.543	7.451.158.431
- Thuế TNDN	14.663.880.843	5.478.185.473	11.774.928.306	8.367.138.010
- Thuế TNCN	14.707.495	80.794.402	10.996.726	84.505.171
- Tiền thuê đất	174.754.890	386.274.590	-	561.029.480
- Thuế tài nguyên	777.150.830	1.073.250.000	13.500.000	1.836.900.830
- Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
- Các khoản phạt và chậm nộp thuế	5.053.385.406	1.289.969.036	511.203.720	5.832.150.722
<b>Cộng</b>	<b>25.069.823.595</b>	<b>20.395.551.344</b>	<b>21.332.492.295</b>	<b>24.132.882.644</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	-	-	3.370.000.000	(3.370.000.000)
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)
- Thuế Xuất khẩu	-	3.394.523.412	3.398.147.412	(3.624.000)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.394.523.412</b>	<b>7.768.147.412</b>	<b>(4.373.624.000)</b>

  

16. Chi phí phải trả ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng		13.213.829.846	-
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thăng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng		23.779.248.760	-
- Tiền thuê đất CCN Thăng Hải I và II phải trả		19.167.940.077	-
- Chi phí lãi vay phải trả		4.715.600	-
- Chi phí dịch vụ phải trả khác		109.807.700	-
<b>Cộng</b>		<b>56.275.541.983</b>	<b>-</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý phát sinh từ chênh lệch công nợ	427.308.981	-
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	15.678.000	-
- Khoản tiền mượn từ Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Xây dựng Á Châu	-	200.000.000
- Phải trả Bà Nguyễn Thị Mai liên quan đến khoản tiền mượn	2.679.923.537	-
- Phải trả Ông Nguyễn Văn Dũng liên quan đến khoản tiền mượn	1.200.000.000	-
- Phải trả Công ty CP SX XNK Ánh Lửa Việt	100.000.000	-
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I	1.293.041.952	1.403.929.681
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải II	6.803.933.715	6.803.933.715
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.153.483.868	-
<b>Cộng</b>	<b>15.673.370.052</b>	<b>8.407.863.395</b>

### 18. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- NH Liên doanh Việt Thái	5.500.000.000	5.500.000.000	-	5.500.000.000	-	-
- NH TMCP Phát triển TP.HCM	1.991.616.000	1.991.616.000	1.329.594.648	3.321.210.648	-	-
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn	-	-	-	-	5.955.930.765	5.955.930.765
<b>Cộng</b>	<b>7.491.616.000</b>	<b>7.491.616.000</b>	<b>1.329.594.648</b>	<b>8.821.210.648</b>	<b>5.955.930.765</b>	<b>5.955.930.765</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (1)	433.280.000	433.280.000	-	130.080.000	303.200.000	303.200.000
- NH TMCP Phát triển TP.HCM (2)	7.997.852.079	7.997.852.079	483.813.000	477.771.000	8.003.894.079	8.003.894.079
- NH TMCP XNK Việt Nam (3)	-	-	550.000.000	92.000.000	458.000.000	458.000.000
- Nợ thuê tài chính tại VILC (4)	-	-	23.465.556.896	-	23.465.556.896	23.465.556.896
- Phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn (*)	-	-	-	-	(5.955.930.765)	(5.955.930.765)
<b>Cộng</b>	<b>8.431.132.079</b>	<b>8.431.132.079</b>	<b>24.499.369.896</b>	<b>699.851.000</b>	<b>26.274.720.210</b>	<b>26.274.720.210</b>

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTD ngày 07/4/2014 với số tiền vay là 520 triệu đồng; thời hạn vay 48 tháng, đến 07/4/2018. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 12,5%/năm; sau đó sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn cộng biên độ 5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được hoàn trả thành 48 kỳ bắt đầu từ ngày 07/5/2014. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 303.200.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 130.080.000 đồng (\*).

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng trung - dài hạn số 487/2014/HĐTĐTDH-DN ngày 15/7/2014 và các khế ước nhận nợ với số tiền vay là 18 tỷ đồng; thời hạn vay: 84 tháng theo từng khế ước nhận nợ; thời hạn trả nợ gốc là 72 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 12,5%/năm. Mục đích vay: đầu tư nhà máy chế biến cát Bình Thuận và bổ sung vốn lưu động được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận; Tài sản gắn liền với đất toàn bộ giá trị xây dựng của nhà máy chế biến cát, máy móc thiết bị, dây chuyền chế biến cát; quyền khai thác cát tại Mỏ cát trắng; Quyền tài sản phát sinh từ quyền sử dụng 488.337 m<sup>2</sup> đất tại KCN Thăng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; Quyền đòi nợ từ các hợp đồng cho thuê đất của Công ty; quyền sử dụng 44.587 m<sup>2</sup> đất tại phường Bình Tân, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là **8.003.894.079 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 1.413.432.000 đồng (\*).

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM theo hợp đồng tín dụng 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng; thời hạn vay 60 tháng; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 9%/năm; Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến 31/12/2015 là **458.000.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 110.400.000 đồng (\*).

#### (4) Nợ thuê tài chính:

Bên cho thuê:	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (VILC)
Bên bảo lãnh:	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư
Thời hạn thuê:	60 tháng
Lãi suất thuê:	8,3%/năm
Phương thức trả tiền thuê:	Thanh toán sau mỗi tháng
Giá trị mua lại:	138.098.000 VND

		Từ 1 năm trở xuống (Năm 2016)	Trên 1 năm đến 5 năm (Năm 2017 - 2020)
Giá trị tiền thuê	27.619.656.896		
Số tiền đã trả trước	(4.154.100.000)	-	-
Giá trị nợ thuê tài chính	<b>23.465.556.896</b>		
Tổng số nợ gốc phải trả		4.302.018.765	19.163.548.131
Tổng số tiền lãi phải trả		1.666.585.780	3.359.951.131
Tổng số tiền thuê phải trả		<b>5.968.604.545</b>	<b>22.523.499.262</b>

#### 19. Vốn chủ sở hữu

##### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	tăng	giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328.000.000.000	248.800.000.000	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	42.209.298.925	10.875.723.702	32.800.000.000	20.285.022.626
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	3.247.538.477	-	3.247.538.477
<b>Cộng</b>	<b>370.209.298.925</b>	<b>259.675.723.702</b>	<b>32.800.000.000</b>	<b>600.332.561.103</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vốn góp của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:	Theo giá bán thực tế	
	Theo mệnh giá	
- Phát hành 3.280.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cp từ lợi nhuận sau thuế	32.800.000.000	32.800.000.000
- Phát hành 21.600.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng	216.000.000.000	216.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>248.800.000.000</b>	<b>248.800.000.000</b>

Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong kỳ theo nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký phát hành và chào bán cổ phiếu ra công chúng số 47/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 17/7/2015.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm là do phát hành 3.280.000 cổ phiếu bổ sung vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu.

b) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.680.000	32.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	32.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

### 20. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	2,032.70	224.10
<b>Nợ khó đòi đã xử lý</b>	<b>1.434.533.208</b>	<b>-</b>

### VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2015
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	59.119.018.558
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	63.651.350.775
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>122.770.369.333</b>
- Các khoản giảm trừ doanh thu	
- Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	(20.077.265.319)
<b>Cộng</b>	<b>102.693.104.014</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2015</b>
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	37.231.927.053
- Giá vốn hoạt động cho thuê đất	22.871.124.414
- Giá vốn hàng bán trả lại	(12.046.359.192)
<b>Cộng</b>	<b>48.056.692.275</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2015</b>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	15.264.394
- Lãi cho vay	120.000.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá	20.748.407
<b>Cộng</b>	<b>156.012.801</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi phí lãi vay	1.154.715.339
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.259.020
<b>Cộng</b>	<b>1.160.974.359</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi phí nhân viên	1.029.371.938
- Chi phí khấu hao TSCĐ	18.750.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.782.017.018
- Chi phí khác bằng tiền	61.372.000
<b>Cộng</b>	<b>4.891.510.956</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	3.881.272.752
- Chi phí vật liệu quản lý, dụng cụ văn phòng	124.473.898
- Chi phí khấu hao TSCĐ	540.213.609
- Thuế, phí và lệ phí	37.180.237
- Chi phí dự phòng	3.579.298.655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.940.908.960
- Chi phí khác bằng tiền	2.108.485.182
<b>Cộng</b>	<b>16.211.833.293</b>
<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm 2015</b>
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 31/12/2015	275.827.675
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	3.092.578.876
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	1.295.745.616
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	46.770.105
- Xử lý công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi	1.434.533.208
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	5.213.894.400
- Chi phí mỏ cát Tân Hà không còn thực hiện	4.687.046.377
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	189.873.339
- Chi phí khác	112.485.745
<b>Cộng</b>	<b>16.348.755.341</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	124.473.898
- Chi phí nhân công	3.811.989.916
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	794.302.755
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.108.634.960
- Chi phí khác bằng tiền	2.144.959.089
<b>Cộng</b>	<b>13.984.360.618</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh tại:</b>	<b>Năm 2015</b>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư	5.105.139.371
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	373.046.103
<b>Cộng</b>	<b>5.478.185.473</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2015</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.875.723.702
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.875.723.702
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	39.139.288
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>278</b>
<b>11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2015</b>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.875.723.702
Lãi của trái phiếu chuyển đổi, quyền chọn mua, chứng quyền	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>10.875.723.702</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	39.139.288
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân sẽ được qui đổi	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm</b>	<b>39.139.288</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>278</b>

### VII. Những thông tin khác

#### 1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Nhóm Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## 2. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Ban Giám đốc Công ty		Thu nhập	689.800.000

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Số dư	Phải thu / (phải trả)
Bà Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(2.679.923.537)
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch	Phải trả khác	(1.200.000.000)
Ông Trần Thanh Sơn	Kế toán trưởng	Tạm ứng	30.000.000.000
Ông Phạm Ngọc An	TV HĐQT	Tạm ứng	22.021.853.657

## 3. Thông tin so sánh

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính do có sự thay đổi trong Chế độ kế toán doanh nghiệp.

## 4. Các cam kết

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyển tải Lagi đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m<sup>2</sup> đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.

## 5. Quản lý rủi ro tài chính

### 5.1 Rủi ro thị trường

#### a. Rủi ro giá

Nhóm Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

#### b. Rủi ro tiền tệ

Trong năm tài chính này, Nhóm Công ty không chịu bất kỳ một khoản rủi ro tiền tệ liên quan đến tỷ giá quy đổi do không có hoạt động kinh doanh nào thể hiện bằng đồng ngoại tệ.

#### c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay, các khoản vay của Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	31/12/2015	Biến động lãi suất 2% (*)
- Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	-	-
- Cho vay	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Nợ phải trả có lãi suất</b>		
- Các khoản vay	32.230.650.975	644.613.020
<b>Cộng</b>	<b>32.230.650.975</b>	<b>644.613.020</b>
Chênh lệch		<b>(644.613.020)</b>

(\*) Biến động lãi suất 2% = tổng số dư Tài sản có lãi suất - tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2%.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (664.613.020) đồng.

### 5.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Nhóm Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Nhóm Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Nhóm Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Nhóm Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các đồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2015	Dưới 01 năm	Từ 01 đến 05 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ	5.955.930.765	26.274.720.210	32.230.650.975
- Phải trả người bán	34.196.815.744	-	34.196.815.744
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	60.255.465.520	-	60.255.465.520
<b>Cộng</b>	<b>100.408.212.029</b>	<b>26.274.720.210</b>	<b>126.682.932.239</b>

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là tương đối. Nhóm Công ty tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

### Tài sản đảm bảo

Nhóm Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất cho các khoản vay dài hạn (thuyết minh tại mục số 9 và 18 - phần V - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

### Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

### 5.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Nhóm Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Nhóm Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Nhóm Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Nhóm Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

### Số dư ngân hàng

Nhóm Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Nhóm Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

### Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Nhóm Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 424.243.853.827 đồng Việt Nam.

### Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2015
Tổng gộp	3.774.482.310
Trừ dự phòng giảm giá trị	(3.579.298.655)
<b>Giá trị thuần của khoản phải thu này</b>	<b>195.183.655</b>
<b>Dự phòng giảm giá trị</b>	
Số dư đầu năm	-
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.579.298.655)
Hoàn nhập	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(3.579.298.655)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 6. Báo cáo bộ phận

Tại ngày 31/12/2015, Nhóm Công ty cùng hoạt động trong một khu vực địa lý thuộc tỉnh Bình Thuận, nên Nhóm Công ty có báo cáo hoạt động các bộ phận kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	<u>Cho thuê đất</u>	<u>Bán cát và dịch vụ khác</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Hợp nhất</u>
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	63.651.350.775	59.119.018.558	-	122.770.369.333
Giữa các bộ phận	-	26.925.673.912	(26.925.673.912)	-
<b>Tổng cộng doanh thu</b>	<b>63.651.350.775</b>	<b>86.044.692.470</b>	<b>(26.925.673.912)</b>	<b>122.770.369.333</b>
Lợi nhuận gộp	32.749.320.233	21.887.091.505	-	54.636.411.739
Chi phí hoạt động	8.973.225.599	12.130.118.650	-	21.103.344.249
Thu nhập tài chính	66.337.261	89.675.540	-	156.012.801
Chi phí tài chính	493.650.898	667.323.461	-	1.160.974.359
Lợi nhuận / (lỗ) khác	(6.925.151.638)	(9.361.506.641)	-	(16.286.658.279)
Lợi nhuận đầu tư LD, LK	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>16.423.629.359</b>	<b>(182.181.707)</b>		<b>16.241.447.652</b>

	<u>Cho thuê đất</u>	<u>Bán cát</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Hợp nhất</u>
Tài sản và nợ phải trả				
Tài sản của bộ phận	725.122.498.500	363.347.314.096	(315.979.185.322)	772.490.627.274
Tài sản thuế hoãn lại	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>725.122.498.500</b>	<b>363.347.314.096</b>	<b>(315.979.185.322)</b>	<b>772.490.627.274</b>

<b>Nợ phải trả của bộ phận</b>	<b>129.148.312.717</b>	<b>113.457.702.753</b>	<b>(70.447.949.298)</b>	<b>172.158.066.171</b>
--------------------------------	------------------------	------------------------	-------------------------	------------------------

Mua sắm tài sản cố định	797.445.455	29.355.312.980	-	30.152.758.435
Chi phí khấu hao	295.697.980	498.604.775	-	794.302.755



Nguyễn Đình Việt  
Người lập biểu



Trần Thanh Sơn  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 3 năm 2016